

Số: 12/2025/QĐDS - ST

Tp Bắc Giang, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- * Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Ánh Dương – Thẩm phán.
- * Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang .
- * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên họp: Bà Cao thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2025/TLST -VDS, ngày 20 tháng 01 năm 2025 về “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp số: 07A/2025/QĐST-VDS ngày 29/4/2025 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST - DS, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Chị Lê Thị T, sinh ngày 14/7/1963 (Có mặt)

Cư trú: Số nhà F, đường L, tổ dân phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1987 (Có mặt)

Cư trú: Số nhà F, đường L, tổ dân phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Đại diện theo pháp luật của chị Phạm Thị Thu T1:**

- Chị Lê Thị T, sinh ngày 14/7/1963 (Có mặt)

Cư trú: Số nhà F, đường L, tổ dân phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ghi ngày 15/1/2025 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên họp sơ thẩm chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Q (chết năm 2022) đẻ được con là Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1987, cư trú: Số nhà F, đường L, tổ dân phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Từ năm 1987 đến năm 2005 thì con chị là Phạm Thị Thu T1 có tư chất bình thường. Từ năm 2006 thì con chị là T1 có biểu hiện: có tiếng nói trong đầu đe dọa giết cháu T1, cháu T1 bắt đầu biếng ăn, không ngủ, thường xuyên mất ngủ, con T1 trèo lên mái nhà, tinh thần không còn tỉnh táo, minh mẫn, không nhận biết được mọi người xung quanh như mẹ, họ hàng. Con Thảo của chị không có khả năng nhận biết, thậm chí không làm chủ được hành vi của mình như: chửi mẹ, hay nói linh tinh một mình, không tự vệ sinh như tắm gội được mà phải có gia đình chăm sóc. Từ trước đến nay con chị là T1 vẫn chung sống cùng chị nên mọi sinh hoạt hàng ngày đều do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến nay, con chị là Phạm Thị Thu T1 chưa lấy chồng.

Sau đó, chị đã yêu cầu V giám định sức khỏe tâm thần của con là Phạm Thị Thu T1. Tại bản Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trưng cầu số: 115/KLGD, ngày 24/4/2025 của V kết luận: *“Tại thời điểm giám định, đối tượng Phạm Thị Thu T1 bị tâm thần phân liệt thể di chứng, bệnh ở giai đoạn sa sút tâm thần. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.5; Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”*.

Nay chị yêu cầu Tòa án tuyên bố con chị là Phạm Thị Thu T1 mất năng lực hành vi dân sự và chỉ định chị là người giám hộ cho con chị là Phạm Thị Thu T1. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

* Đại diện theo pháp luật của chị Phạm Thị Thu T1 là chị Lê Thị T: Đề nghị Toà án tuyên bố với chị Phạm Thị Thu T1 mất năng lực hành vi dân sự, tạo điều kiện cho chị Lê Thị T được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ đối với chị Phạm Thị Thu T1. Ngoài ra, không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, hàng xóm của chị Phạm Thị Thu T1 là: Ông Lê Quang H và tổ trưởng tổ dân phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là ông Nguyễn Văn L cung cấp thông tin: chị Phạm Thị Thu T1 là công dân, cùng gia đình sinh sống tại tổ dân phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Từ nhỏ đến năm 2005 cháu Phạm Thị thu T1 là người có tư chất là người bình thường. Từ năm 2006 thì thấy mẹ đẻ cháu T1 nói chuyện cháu có biểu hiện nghe có tiếng nói trong đầu và đe dọa giết cháu, cháu biếng ăn, ít ngủ, thỉnh thoảng thấy cháu trèo lên mái nhà, tinh thần không còn tỉnh táo, minh mẫn và không nhận biết được mọi người xung quanh, như mẹ, họ hàng, không có khả năng nhận biết, không làm chủ được hành vi của mình chửi mẹ, nói linh tinh một mình. Cháu không tự vệ sinh cá nhân phải có người giúp đỡ. Từ năm 2006 đến nay cháu thảo vẫn chung sống với cùng với gia đình nên mọi sinh hoạt hàng ngày đều do mẹ cháu T1 là chị Lê Thị Thanh chăm S, nuôi dưỡng.

Toà án không tiến hành lấy lời khai của chị Phạm Thị Thu T1 được vì chị Phạm Thị Thu T1 không nói được, không nhận thức được.

Tại phiên họp: Chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự, đề nghị Toà án tuyên bố chị Phạm Thị Thu T1 mất năng lực hành vi dân sự đồng thời chỉ định chị là người giám hộ cho chị Phạm Thị Thu T1.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký và đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của thẩm phán, thư ký và người tham gia tố tụng

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 22, Điều 53, Điều 57 BLDs; khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 378 BLTTDS; điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T. Tuyên bố chị Phạm Thị Thu T1 mất năng lực hành vi dân sự; chỉ định chị Lê Thị T là người giám hộ hợp pháp của chị Phạm Thị Thu T1; chị Lê Thị T là người cao tuổi nên được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang nhận định:

[1] Về yêu cầu dân sự và thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị T là mẹ của chị Phạm Thị Thu T1 có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với chị Phạm Thị Thu T1. Đây là yêu cầu về việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 27 BLTTDS. Người bị yêu cầu là chị Phạm Thị Thu T1 có địa chỉ cư trú tại: Số nhà F, đường L, tổ dân phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nên thẩm quyền giải quyết việc dân sự này là của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Theo bản Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trung cầu số: 115/KLGĐ, ngày 24/4/2025 của V kết luận: *"Tại thời điểm giám định, đối tượng Phạm Thị Thu T1 bị tâm thần phân liệt thể di chứng, bệnh ở giai đoạn sa sút tâm thần. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.5; Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi"*.

Theo khoản 01 Điều 22 Bộ luật Dân sự quy định: *"Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần"*.

Căn cứ vào Kết luận giám định pháp y tâm thần của cơ quan có thẩm quyền trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ người yêu cầu giao nộp và do Tòa án thu thập được, có đủ cơ sở xác định chị Phạm Thị Thu T1 là người mất năng lực hành vi dân sự. Do vậy, chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lê Thị T về việc tuyên bố chị Phạm Thị Thu T1 là người mất năng lực hành vi dân sự là có căn cứ, phù hợp với khoản 01 Điều 22 BLDS. Do chị Phạm Thị Thu T1 là người đã thành niên nhưng chưa có chồng, con nên chị Lê Thị T là mẹ đẻ là người giám hộ đương nhiên cho chị Phạm Thị Thu T1 là phù hợp khoản 03 Điều 53 BLDS. Chị

Lê Thị T được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí giám định: Chị Lê Thị Thanh tự N chịu chi phí giám định pháp y tâm thần này. Nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T là người cao tuổi nên được miễn tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điều 22, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 53, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 136 BLDS; khoản 1 Điều 27, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, khoản 3, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 378 BLTTDS; điểm đ khoản 01, khoản 02 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T.

2. Tuyên bố chị Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 02/3/1987; Căn cước công dân số: 024187002460 do Cục cảnh sát về trật tự xã hội cấp ngày 13/4/2021; Nơi cư trú: Số nhà F, đường L, tổ dân phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là người mất năng lực hành vi dân sự.

3. Chị Lê Thị T, sinh ngày 14/7/1963; Căn cước công dân số: 038163010266 do Cục cảnh sát về trật tự xã hội cấp ngày 06/2/2024; Nơi cư trú: Số nhà F, đường L, tổ dân phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là người giám hộ đương nhiên cho chị Phạm Thị Thu T1. Chị Lê Thị T được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật.

4. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T là người cao tuổi nên được miễn lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự (có mặt) có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Thu T1 do chị Lê Thị Thanh giám H1 (có mặt) có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- Chi cục THADS Tp Bắc giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Ánh Dương